

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 05/2001/NĐ-CP ngày 17/1/2001 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ như sau:

**1. Điều 12 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 12. Nghĩa vụ bán ngoại tệ của người cư trú là tổ chức.**

Người cư trú là tổ chức kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, chi nhánh công ty nước ngoài, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu liên danh với nước ngoài, cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam phải bán số ngoại tệ thu được từ các nguồn thu vãng lai cho các Ngân

hàng được phép theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

**2. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 13. Quyền mua ngoại tệ của tổ chức.**

1. Người cư trú là tổ chức kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, chi nhánh công ty nước ngoài, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu liên danh với nước ngoài, tổ chức tín dụng ở Việt Nam, cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam được mua ngoại tệ tại các Ngân hàng được phép để đáp ứng cho các giao dịch vãng lai và các giao dịch được phép khác trên cơ sở xuất trình các giấy tờ và chứng từ hợp lệ.

2. Người cư trú là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có dự án đặc biệt quan trọng đầu tư theo chương trình của Chính phủ trong từng thời kỳ, hoặc có dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, dự án quan trọng khác được Chính phủ Việt Nam bảo đảm cân đối ngoại tệ hoặc bảo đảm hỗ trợ cân đối ngoại tệ thì thực hiện việc mua ngoại tệ theo quy định về quản lý ngoại hối trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”.

3. Người không cư trú là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện các tổ chức liên Chính phủ, cơ quan đại diện các tổ chức phi Chính phủ, lực lượng vũ trang và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế nước ngoài và của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có các nguồn thu bằng Đồng Việt Nam từ việc cấp visa, các loại phí lãnh sự khác và các giao dịch hợp pháp khác được mua ngoại tệ và được chuyển ngoại tệ ra nước ngoài thông qua các ngân hàng được phép trên cơ sở xuất trình các giấy tờ có liên quan.



**3. Điều 24 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 24. Cho vay trong nước bằng ngoại tệ.**

Tổ chức tín dụng hoạt động ngoại hối thực hiện việc cho vay ngoại tệ đối với Người cư trú theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Điều 12, Điều 13 và Điều 24 của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện những nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Nghị định này.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/2/2001 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm

1995 và Nghị quyết về việc thi hành Bộ Luật Dân sự của Quốc hội Khóa IX, kỳ họp thứ 8;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Nhằm góp phần tăng cường sự bảo hộ đầy đủ và có hiệu quả quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/CP ngày 24 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Nghị định 63/CP) như sau:

**1. Điều 1 Nghị định 63/CP được sửa đổi như sau:**

**“Điều 1.** Mục đích, phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp nhằm hướng dẫn thi hành các quy định về quyền sở hữu công nghiệp tại Chương I và các quy định về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp tại Chương III Phần thứ sáu của Bộ Luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995.

Các quy định của Nghị định này chỉ áp dụng đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa và không áp dụng đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp khác.”

**2. Điều 2 Nghị định 63/CP được bổ sung khoản 8<sup>A</sup> và khoản 8<sup>B</sup> như sau:**

“8<sup>A</sup>. “Nhãn hiệu liên kết” là các nhãn hiệu hàng